TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé.

2. Ông Đinh Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim T, sinh ngày 08/5/2000;

Căn cước công dân số 080300003756, cấp ngày 17/9/2024.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh ngày 15/4/1989.

Căn cước công dân số 080089019438, cấp ngày 23/8/2024

Địa chỉ: Số A ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 18/9/2019.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2023. Nay, bà nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về nuôi con chung: Bà và ông P có với nhau một con chung tên Nguyễn Phúc T1 sinh ngày 28/10/2020, hiện con chung đang sống cùng ông P. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu nuôi con chung, bà yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay là ông P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Ông P cư trú tại xã V, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông P là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P đã phát sinh mâu thuẫn, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T; thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông P có với nhau một người con chung tên Nguyễn Phúc T1 sinh ngày 28/10/2020.

Xét, bà T yêu cầu giao con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần thiết giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, là giao con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Kim T và ông Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn P được giao giữ nuôi con chung tên Nguyễn Phúc T1 sinh ngày 28/10/2020.

Bà Trương Thị Kim T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008731 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã V, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TAND KHU VỰC 5

1NW090226.TL.QDBA
271

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy